

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

*Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Quý I năm 2025*

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất	1 - 2
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	3
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	4
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	5 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		3.093.336.914.985	2.780.516.388.126
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	23.068.370.644	69.029.863.474
1. Tiền	111		23.068.370.644	69.029.863.474
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		2.390.378.997.178	2.076.658.540.820
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	1.220.239.443.172	987.474.019.852
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	340.754.610.267	323.928.870.820
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	829.272.345.028	765.143.051.437
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		112.598.711	112.598.711
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.05	656.932.224.569	613.979.287.300
1. Hàng tồn kho	141		661.875.509.124	618.922.571.855
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.943.284.555)	(4.943.284.555)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		22.957.322.594	20.848.696.532
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06a	11.910.747.523	11.764.494.065
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.15b	10.132.824.131	8.642.482.214
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b	913.750.940	441.720.253
B. Tài sản dài hạn	200		1.125.313.645.364	1.137.114.950.794
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		368.959.325.520	368.987.370.210
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	368.959.325.520	368.987.370.210
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		208.268.200.776	214.648.332.733
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	116.339.938.134	122.408.998.134
- Nguyên giá	222		206.230.352.280	208.645.717.461
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(89.890.414.146)	(86.236.719.327)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	5.349.426.707	5.538.442.223
- Nguyên giá	225		6.137.445.000	6.137.445.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(788.018.293)	(599.002.777)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	86.578.835.935	86.700.892.376
- Nguyên giá	228		90.139.136.445	90.029.136.445
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.560.300.510)	(3.328.244.069)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		38.088.065.605	37.707.555.806
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	38.088.065.605	37.707.555.806
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		414.827.876.959	414.840.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	25.987.876.959	26.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	140.950.000.000	140.950.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.12	247.890.000.000	247.890.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		95.170.176.504	100.931.692.045
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	21.501.606.814	23.724.924.254
2. Lợi thế thương mại	269	V.07	73.668.569.690	77.206.767.791
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.218.650.560.349	3.917.631.338.920

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 31 tháng 03 năm 2025

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		3.093.226.507.058	2.795.119.067.668
I. Nợ ngắn hạn	310		2.758.243.559.203	2.417.958.978.583
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	385.688.949.512	217.056.737.424
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	75.790.292.642	62.692.978.996
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15a	4.628.235.110	15.682.296.480
4. Phải trả người lao động	314		2.336.664.625	15.554.396.110
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	23.924.413.277	16.918.523.271
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		545.751.652	507.614.192
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	87.817.316.543	46.848.431.899
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	2.176.530.840.503	2.041.682.704.872
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	981.095.339	1.015.295.339
II. Nợ dài hạn	330		334.982.947.855	377.160.089.085
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	18.420.000.000	15.570.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	316.562.947.855	361.590.089.085
D. Vốn chủ sở hữu	400		1.125.424.053.291	1.122.512.271.252
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.125.424.053.291	1.122.512.271.252
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	956.538.590.000	956.538.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		956.538.590.000	956.538.590.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20	19.004.385.000	19.004.385.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	4.367.682.760	4.367.682.760
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20	1.215.200.961	1.215.200.961
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	59.384.781.428	57.141.470.070
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		57.141.470.070	10.709.969.477
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.243.311.358	46.431.500.593
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.21	84.913.413.142	84.244.942.461
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.218.650.560.349	3.917.631.338.920



Trần Ngọc Dân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 29 tháng 4 năm 2025

Lê Thị Phú
Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2025	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		2.116.670.847.163	1.553.324.997.226	2.116.670.847.163	1.553.324.997.226
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		106.138.669.536	48.415.695.397	106.138.669.536	48.415.695.397
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	2.010.532.177.627	1.504.909.301.829	2.010.532.177.627	1.504.909.301.829
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.892.856.319.986	1.433.859.759.561	1.892.856.319.986	1.433.859.759.561
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		117.675.857.641	71.049.542.268	117.675.857.641	71.049.542.268
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	35.703.435.346	91.307.133.258	35.703.435.346	91.307.133.258
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	46.606.811.863	41.814.850.270	46.606.811.863	41.814.850.270
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		41.402.391.627	41.814.850.270	41.402.391.627	41.814.850.270
8. Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên kết	24		(12.123.041)	-	(12.123.041)	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	88.257.896.306	85.583.047.034	88.257.896.306	85.583.047.034
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	35.262.291.945	33.233.698.216	35.262.291.945	33.233.698.216
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16.759.830.168)	1.725.080.006	(16.759.830.168)	1.725.080.006
12. Thu nhập khác	31	VI.07	19.928.455.594	6.909.153.686	19.928.455.594	6.909.153.686
13. Chi phí khác	32	VI.08	256.843.387	845.931.225	256.843.387	845.931.225
14. Lợi nhuận khác	40		19.671.612.207	6.063.222.461	19.671.612.207	6.063.222.461
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.911.782.039	7.788.302.467	2.911.782.039	7.788.302.467
16. Chi phí/ (hoàn nhập) thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	950.064.504	-	950.064.504
17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.911.782.039	6.838.237.963	2.911.782.039	6.838.237.963
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.243.311.358	7.748.274.574	2.243.311.358	7.748.274.574
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		668.470.681	(910.036.611)	668.470.681	(910.036.611)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	23	87	23	87
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	23	87	23	87

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Trần Ngọc Dân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 4 năm 2025

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm 2025	Năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.911.782.039	7.788.302.467
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.186.927.761	5.038.662.371
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(36.310.930.915)	(93.317.779.653)
Chi phí lãi vay	06	41.402.391.627	41.814.850.270
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.190.170.512	(38.675.964.545)
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(280.320.524.614)	56.448.072.853
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(42.952.937.269)	148.233.269.796
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuê thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	218.758.197.915	3.497.522.717
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	5.615.262.083	(1.098.205.951)
Tiền lãi vay đã trả	14	(45.117.807.753)	(34.116.880.964)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.722.136.800)	(8.665.664.270)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(34.200.000)	(198.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(136.583.975.926)	125.424.049.636
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.959.080.072)	(3.842.477.156)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.399.999.999	3.177.777.779
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	360.568.768	652.459.567
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	801.488.695	(12.239.810)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	1.662.965.556.461	1.308.838.394.461
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.572.814.464.893)	(1.460.708.346.367)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(330.097.167)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	89.820.994.401	(151.869.951.906)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(45.961.492.830)	(26.458.142.080)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	69.029.863.474	61.180.164.578
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23.068.370.644	34.722.022.498

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Trần Ngọc Dân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 29 tháng 4 năm 2025

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và thay đổi lần thứ 19 ngày 23/12/2024 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Công ty đã được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 6315/UBCK-GSĐC ngày 19/9/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Hình thức sở hữu vốn: Vốn Cổ phần.

- Vốn điều lệ đăng ký: 956.538.590.000 đồng

- Vốn góp thực tế đến 31/03/2025: 956.538.590.000 đồng

Trụ sở chính đặt tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, KCN Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh 824 đặt tại 824 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Phước, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-007.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt;
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

6. Danh sách công ty con được hợp nhất:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái 2, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	96,00%	96,00%
- Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	Số 51 Lê Hồng Phong, phường Phước Tân, Tp.Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thương mại và dịch vụ	52,00%	52,00%
- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	số 682A, Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	96,52%	96,52%
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Lô DVTM-08 và lô DVTM-11, Đường số 7, Khu chế xuất Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	90,00%	90,00%
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Số 224 Quốc lộ 51, Phường Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thương mại và dịch vụ	100,00%	95,00%
- Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	Lô B1, Đường D3, KCN Cát Lái 2, P.Thạnh Mỹ Lợi, TP.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ	99,00%	99,00%
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	Thôn Đông Phước, Xã Hòa An, Huyện Phú Hoà, Tỉnh Phú Yên	Thương mại và dịch vụ	70,20%	99,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần City Auto và các Công ty con ("Tập đoàn") cho thời kỳ tài chính quý IV năm 2024. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng thời kỳ tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí. Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát. Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị số sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Riêng các khoản tiền gửi ngân hàng được đánh giá theo tỷ giá mua của ngân hàng có tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua – bán;

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

- Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - + Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
 - + Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp ... và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá TSCĐ. Chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

Phần mềm máy vi tính và phần mềm kế toán

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

- Nhà cửa vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
- Thiết bị quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm	02 - 05 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

8. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Nợ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn

10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định hiện hành.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 01 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là nợ dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm/hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	2.264.586.477	876.508.631
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	789.968.525	240.260.676
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	35.959.256	6.450.590
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)	461.154.386	171.359.193
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	290.651.019	119.648.701
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	296.769.728	106.266.361
- Tại Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	390.083.563	232.523.110
Tiền gửi ngân hàng	20.803.784.167	68.153.354.843
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	6.049.876.398	8.839.160.660
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	1.051.907.379	11.247.666.375
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)	557.627.626	21.061.949.738
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	3.946.144.982	15.356.396.084
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	5.515.874.370	2.755.333.463
- Tại Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	3.677.835.408	4.691.892
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	4.518.004	8.888.156.631
Cộng	23.068.370.644	69.029.863.474
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% trên tổng phải thu khách hàng)	622.869.082.704	525.074.813.901
- Công ty CP Easy Car	62.035.678.322	47.618.319.109
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	486.762.355.721	413.483.813.235
- Công ty Cổ phần Auto Dĩ An – Bình Dương (bên liên quan)	48.572.326.425	1.297.073.607
Cộng	1.220.239.443.172	987.474.019.852
3. Trả trước cho người bán		
- Công ty TNHH Minh Long	107.073.742.052	123.594.379.437
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	161.122.061.570	169.428.070.588
- Công ty Cổ phần Auto Dĩ An – Bình Dương (bên liên quan)	-	101.000.000
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	72.558.806.645	30.805.420.795
Cộng	340.754.610.267	323.928.870.820
4. Phải thu khác		
a) Phải thu khác ngắn hạn		
- Phải thu hỗ trợ bán hàng từ nhà cung cấp chính	96.680.895.730	67.213.744.816
- Phải thu khác từ Công ty CP Bất Động Sản Bảo Long	32.704.226.007	30.870.905.555
- Phải thu khác từ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	191.934.385.514	180.934.652.782
- Phải thu khác từ Công ty TNHH Minh Long	41.900.957.553	34.972.859.796
- Phải thu khác Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương (bên liên quan)	4.495.427.402	3.367.130.686
- Phải thu tiền cho mượn đến các cá nhân	48.309.608.883	95.395.132.522
- Phải thu ngắn hạn tiền góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Easy Car	14.204.590.000	14.204.590.000
- Các khoản tạm ứng nhân viên	15.876.850.599	7.674.597.830
- Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long	137.160.000.000	137.160.000.000
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Tập đoàn Dason	3.696.300.000	
- Ký quỹ ngắn hạn khác	109.485.263.000	84.763.311.000
- Các khoản phải thu khác	132.823.840.340	108.586.126.450
Cộng	829.272.345.028	765.143.051.437

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Phải thu khác dài hạn

- Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	334.601.000.000	334.601.000.000
- Ký quỹ thuê văn phòng cho Công ty TNHH Minh Long	-	-
- Các khoản phải thu khác	34.358.325.520	34.386.370.210
Cộng	368.959.325.520	368.987.370.210

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	164.522.233	-	108.980.578	-
- Chi phí sản xuất dở dang	11.433.478.461	-	9.814.221.009	-
- Hàng hóa (5.1)	650.277.508.430	(4.943.284.555)	608.999.370.268	(4.943.284.555)
Cộng	661.875.509.124	(4.943.284.555)	618.922.571.855	(4.943.284.555)

(5.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xe các loại	571.936.150.123	524.523.977.993
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	108.698.568.160	84.663.204.538
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	63.224.018.165	61.495.699.993
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)	97.652.531.804	90.547.409.081
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	190.546.294.728	184.119.396.997
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	72.741.428.176	47.895.740.902
- Tại Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	39.073.309.090	55.802.526.482
Phụ tùng, phụ kiện	78.341.358.307	84.475.392.275
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	32.666.720.525	34.742.985.510
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	21.065.049.149	21.865.041.676
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (hợp nhất)	9.553.512.359	10.540.177.900
- Tại Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (hợp nhất)	3.999.638.212	5.137.643.440
- Tại Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	6.535.935.892	6.327.067.522
- Tại Công ty Cổ phần VW Tân Thuận	4.520.502.170	5.862.476.227
Cộng	650.277.508.430	608.999.370.268

6. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.723.600.578	1.369.599.442
- Chi phí thuê mặt bằng chờ kết chuyển	4.497.908.807	3.542.638.807
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	5.689.238.138	6.852.255.816
Cộng	11.910.747.523	11.764.494.065

b) Dài hạn

- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	12.100.854.683	11.795.289.941
- Chi phí thuê mặt bằng chờ kết chuyển	-	7.000.000
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	9.400.752.131	11.922.634.313
Cộng	21.501.606.814	23.724.924.254

7. Lợi thế thương mại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất	141.527.923.950	141.527.923.950
Lợi thế thương mại đã phân bổ	(67.859.354.260)	(64.321.156.159)
Cộng	73.668.569.690	77.206.767.791

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	83.687.211.335	-	-	83.687.211.335
Máy móc, thiết bị	50.422.783.502	482.614.818	-	50.905.398.320
Phương tiện vận tải	70.232.202.654	985.955.455	3.883.935.454	67.334.222.655
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4.303.519.970	-	-	4.303.519.970
Cộng	208.645.717.461	1.468.570.273	3.883.935.454	206.230.352.280
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	31.865.550.003	1.664.521.690	-	33.530.071.693
Máy móc, thiết bị	35.049.885.402	1.231.872.229	-	36.281.757.631
Phương tiện vận tải	17.500.936.842	2.757.834.045	2.112.160.985	18.146.609.902
Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.820.347.080	111.627.840	-	1.931.974.920
Cộng	86.236.719.327	5.765.855.804	2.112.160.985	89.890.414.146
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	51.821.661.332			50.157.139.642
Máy móc, thiết bị	15.372.898.100			14.623.640.689
Phương tiện vận tải	52.731.265.812			49.187.612.753
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2.483.172.890			2.371.545.050
Cộng	122.408.998.134			116.339.938.134
9. Tài sản cố định thuê tài chính	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Máy móc, thiết bị	6.137.445.000	-	-	6.137.445.000
Cộng	6.137.445.000	-	-	6.137.445.000
Khấu hao lũy kế				
Máy móc, thiết bị	599.002.777	189.015.516	-	788.018.293
Cộng	599.002.777	189.015.516	-	788.018.293
Giá trị còn lại				
Máy móc, thiết bị	5.538.442.223			5.349.426.707
Cộng	5.538.442.223			5.349.426.707
10. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	6.006.661.822	110.000.000	-	6.116.661.822
Cộng	90.029.136.445	110.000.000	-	90.139.136.445
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	3.328.244.069	232.056.441	-	3.560.300.510
Cộng	3.328.244.069	232.056.441	-	3.560.300.510
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	2.678.417.753			2.556.361.312
Cộng	86.700.892.376			86.578.835.935

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định	937.100.660	1.391.646.115
- Quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng showroom tại Công ty CP Ô tô Phú Mỹ	36.090.190.305	35.648.262.289
- Chi phí xây dựng showroom, xưởng khác	1.060.774.640	667.647.402
Cộng	38.088.065.605	37.707.555.806

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Công ty liên kết	25.987.876.959	(*)	-	26.000.000.000	(*)	-
b) - Đầu tư khác	140.950.000.000	(*)	-	140.950.000.000	(*)	-
c) - Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	247.890.000.000	(*)	-	247.890.000.000	(*)	-
Cộng	414.827.876.959		-	414.840.000.000		-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi chưa niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tên công ty	Tỷ lệ vốn góp theo đăng ký	Giá trị vốn góp theo đăng ký	Giá trị vốn góp đến ngày 31/03/2025
a) Đầu tư vào công ty liên kết			
- Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương	20%	26.000.000.000	25.987.876.959
Cộng			25.987.876.959
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
- Công ty CP New City Rent A Car	11,50%	28.750.000.000	28.750.000.000
- Công Ty Cổ phần Dasonmotors	11,00%	112.200.000.000	112.200.000.000
Cộng			140.950.000.000
c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần BĐS Bảo Long	(12.1)	59.890.000.000	59.890.000.000
Công ty Cổ phần Daf Group	(12.2)	147.000.000.000	147.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dason	(12.3)	41.000.000.000	41.000.000.000
Cộng		247.890.000.000	247.890.000.000

(12.1) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 1012/2024-HĐUTĐT/VT-BLC ngày 10/12/2024 giữa Công ty Cổ phần VW Tân Thuận và Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần City Auto ủy thác đầu tư là 59.890.000.000 đồng. thời hạn ủy thác: 84 tháng kể từ ngày chuyển tiền ủy thác đầu tư; tỷ lệ lợi nhuận sẽ được xác định hàng năm; Vốn ủy thác sẽ được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng.

(12.2) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 2007/2023-HĐUTĐT/CTF-DAF ngày 20/7/2023 giữa Công ty Cổ phần City Auto và Công ty Cổ phần Daf Group. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần City Auto ủy thác đầu tư là 147.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác: 84 tháng kể từ ngày chuyển tiền ủy thác đầu tư; tỷ lệ lợi nhuận sẽ được xác định hàng năm; Vốn ủy thác sẽ được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng.

(12.3) Khoản đầu tư theo hợp đồng Ủy thác đầu tư số 0212/2024-HĐUTĐT/HTC-DASON ngày 02/12/2024 giữa Công ty CP Auto Trường Chinh với Công ty CP Tập đoàn Dason, Số tiền ủy thác: 41.000.000.000 VND; thời hạn ủy thác: 84 tháng kể từ ngày chuyển tiền ủy thác đầu tư; tỷ lệ lợi nhuận sẽ được xác định hàng năm; Vốn ủy thác sẽ được hoàn trả khi kết thúc hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	17.320.525.322	17.320.525.322	13.816.867.696	13.816.867.696
- Công ty TNHH Ô Tô VW Nha Trang	7.175.606.448	7.175.606.448	5.100.306.448	5.100.306.448
- Công Ty CP Liên Doanh Ô Tô Hyundai Thành Công Việt Nam	23.133.056.105	23.133.056.105	25.674.337.121	25.674.337.121
- Công ty CP TB Tân Thành Đô (bên liên quan)	72.796.314.169	72.796.314.169	13.028.364.228	13.028.364.228
- Công ty TNHH Minh Long	17.461.296.241	17.461.296.241	16.234.581.031	16.234.581.031
- Công ty CP Truck&Bus Trường Chinh	16.464.078.419	16.464.078.419	31.202.483.076	31.202.483.076
- Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương (bên liên quan)	51.858.523.240	51.858.523.240	5.991.210	5.991.210
- Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam	57.169.437.957	57.169.437.957	32.013.624.144	32.013.624.144
- Các đối tượng khác	122.310.111.611	122.310.111.611	79.980.182.470	79.980.182.470
Cộng	385.688.949.512	385.688.949.512	217.056.737.424	217.056.737.424

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công Ty CP Tập Đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	716.150.000	716.150.000
- Công Ty TNHH Itaco	11.903.000.000	-
- Công Ty Cổ Phần Daf Group	15.424.249.999	-
- Công Ty TNHH Ô Tô VW Sài Gòn	9.446.896.602	5.506.796.602
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	38.299.996.041	56.470.032.394
Cộng	75.790.292.642	62.692.978.996

15. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

a) Phải nộp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	1.453.853.467	5.744.928.771
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.406.281.287	8.674.686.238
- Thuế thu nhập cá nhân	768.100.356	1.262.681.471
Cộng	4.628.235.110	15.682.296.480

b) Phải thu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	10.132.824.131	8.642.482.214
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (nộp dư)	839.518.412	441.324.563
- Thuế thu nhập cá nhân (nộp dư)	74.232.528	395.690
Cộng	11.046.575.071	9.084.202.467

16. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	1.155.341.605	1.678.359.143
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	1.220.997	2.452.281
- Chi phí môi giới, hoa hồng	6.612.176.043	537.400.000
- Chi phí phải trả khác	16.155.674.632	14.700.311.847
Cộng	23.924.413.277	16.918.523.271

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

17. Các khoản phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn, bảo hiểm bắt buộc	5.906.880.620	3.834.640.405
- Tài sản thừa chờ xử lý	620.439.676	620.439.676
- Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng	-	400.020.425
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	2.672.001.484	2.672.001.484
- Công Ty CP Tập Đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	61.086.092	50.000.000
- Các khoản phải trả khác	78.556.908.671	39.271.329.909
Cộng	87.817.316.543	46.848.431.899
b) Dài hạn		
- Phải trả Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long	-	-
- Các khoản vay cá nhân dài hạn	18.420.000.000	15.570.000.000
Cộng	18.420.000.000	15.570.000.000

18. Vay và nợ thuê tài chính		Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
a. Ngắn hạn		2.041.682.704.872	1.661.050.556.461	1.523.112.862.284	2.176.530.840.503
- NH Ngoại thương	(18.1)	320.955.857.397	300.010.488.811	284.825.925.031	336.140.421.177
- NH Bảo Việt	(18.2)	153.464.067.501	115.457.693.000	165.593.007.501	103.328.753.000
- NH Đầu tư và Phát triển	(18.3)	357.748.591.287	293.644.385.375	287.565.534.115	363.827.442.547
- NH Indovina	(18.4)	229.898.481.834	-	11.845.505.311	218.052.976.523
- NH VN Thịnh Vượng	(18.5)	210.240.978.324	183.837.997.360	172.753.880.002	221.325.095.682
- NH Công thương	(18.6)	17.930.464.665	12.987.281.670	15.311.650.715	15.606.095.620
- NH Quân đội	(18.7)	73.245.429.003	122.953.332.000	52.061.450.002	144.137.311.001
- NH Phương Đông	(18.8)	17.394.596.980	14.215.271.775	14.126.020.300	17.483.848.455
- NH HD Bank	(18.9)	6.582.340.839	36.562.568.383	36.489.434.590	6.655.474.632
- NH Bangkok	(18.10)	130.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
- NH Tiên Phong	(18.11)	15.899.939.000	36.063.035.000	22.247.093.000	29.715.881.000
- NH PG Bank	(18.12)	105.332.026.691	182.925.647.087	153.272.347.706	134.985.326.072
- NH TM CP Đông Nam Á	(18.13)	13.615.360.000	33.908.440.000	19.405.528.000	28.118.272.000
- NH First Bank	(18.14)	115.000.000.000	-	-	115.000.000.000
- NH Á Châu	(18.15)	174.299.272.055	143.484.416.000	157.615.486.011	160.168.202.044
- NH The Shanghai Commercial & Savings Bank, Ltd	(18.16)	-	55.000.000.000	-	55.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả		100.075.299.296			96.985.740.750
b. Dài hạn		361.590.089.085	1.915.000.000	50.031.699.776	316.562.947.855
- NH Ngoại thương	(18.1)	84.188.140.000	-	38.156.480.000	46.031.660.000
- NH HD Bank	(18.9)	4.655.594.000	1.169.000.000	691.341.066	5.133.252.934
- NH Tiên phong	(18.11)	354.383.166.629	350.000.000	10.184.284.636	344.548.881.993
- NH Bảo Việt	(18.2)	12.360.444.000	-	-	12.360.444.000
- NH VN Thịnh Vượng	(18.5)	1.861.942.538	396.000.000	574.496.907	1.683.445.631
- Công ty cho thuê tài chính BIDV – SuMi TRUST Chi nhánh TP HCM	(18.3)	3.741.101.214	-	330.097.167	3.411.004.047
- NH PG Bank	(18.12)	475.000.000	-	95.000.000	380.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả		(100.075.299.296)			(96.985.740.750)
Cộng		2.403.272.793.957	1.662.965.556.461	1.573.144.562.060	2.493.093.788.358

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(18.1) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng như sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0328/KHDN/24/HMCV ngày 02/07/2024 với hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.

Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 042A24 ngày 16/07/2024. Hạn mức cho vay là 150.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định. Thời hạn vay tối đa 04 tháng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100% phát sinh theo hợp đồng mua bán xe với Công ty CP Hyundai Thành Công Việt Nam. Thế chấp/ cầm cố tài sản là cổ phiếu bao gồm:

- 500.000 Cổ phiếu đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Công ty CP City Auto; Bên bảo đảm là Ông Trần Ngọc Dân; theo hợp đồng cầm cố số 279CC20 ngày 17/02/2021.
- 1.050.000 Cổ phiếu đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán của Công ty CP City Auto; Bên bảo đảm là Ông Trần Lâm; theo hợp đồng cầm cố số 025CC21/KHBB ngày 20/05/2021.
- Quyền đòi nợ đối với CTCP Tập đoàn Tân Thành Đô.

Khoản vay dài hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0269/KHDN/20 ngày 03/11/2020 cùng các hợp đồng sửa đổi, bổ sung kèm theo và Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 0270/KHDN/20/TLDH ngày 03/11/2020, số tiền vay là 50 tỷ đồng, thời hạn vay: 84 tháng. Mục đích vay: để thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom). Lãi suất vay theo thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho hợp đồng này bao gồm:

- Hàng hóa xe ô tô thương hiệu Hyundai mới 100%, tài sản là hàng hóa tồn kho, hàng hóa luân chuyển thuộc sở hữu của Công ty CP Auto Trường Chinh.
- 2.756.911 cổ phiếu Công ty CP City Auto (CTF) thuộc sở hữu của ông Ngô Công Minh và bà Phạm Thị Ái Hạnh.
- 290.650 cổ phiếu Công ty CP City Auto (CTF) thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đăng Hoàng và bà Nguyễn Thị Tố Trinh.
- Tiền gửi tại Ngân hàng trị giá 50.000.000 VNĐ.

Khoản vay của Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 0249/KHDN/23 ngày 14/06/2023, hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0250/KHDN/23/HMCV ngày 22/06/2023, hợp đồng cho vay từng lần trung và dài hạn số 0351/KHDN/23/CVTDH ngày 21/07/2023, hợp đồng sửa đổi bổ sung số 0249/KHDN/23/SD1 ngày 08/08/2023, 0249/KHDN/23-SD4 ngày 15/11/2024, hợp đồng thế chấp hàng hóa số 0276/KHDN/23/HĐBD ngày 19/06/2023 và thỏa thuận bảo lãnh số 0251/KHDN/23/HMBL ngày 22/06/2023 cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 213.646.720.000 đồng.
- Mục đích cấp tín dụng: Lắp đặt máy móc thiết bị cho xưởng tại công trình "Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận" địa điểm: Lô DVTM-08 và Lô DVTM -11, Đường số 7, KCX Tân Thuận, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM và Bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Thời hạn cấp tín dụng: 60 tháng
- Thời hạn vay: tối đa 04 tháng, được ghi trên từng khế ước nhận nợ.
- Lãi suất: quy định tại từng khế ước nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo:

1. Tài sản thuộc sở hữu của ông Trần Quang Trí và bà Đinh Đào Giao Thoại Khanh:

a. Quyền sở hữu căn hộ chung cư số LP-34.16 thuộc tòa nhà Landmark Plus, số 702A Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh.

b. Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 429/19 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh.

c. Quyền sử dụng đất và nhà ở tại địa chỉ 378/26 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh.

d. Quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ Một phần nhà 2A đường số 5, khu phố 5, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức).

2. Lô xe ô tô Ford mới 100%

3. Toàn bộ xe ô tô mới 100% đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai từ nguồn vốn Ngân hàng cấp tín dụng và/ hoặc sẽ được để tại Showroom Lô DVTM-08 và Lô DVTM-11, Đường số 7, KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TPHCM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 2023/HDTD-NTF ngày 01/11/2023 kèm theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2023/HMCV-NTF và thỏa thuận cấp bảo lãnh theo hạn mức số 2023/HMBL-NTF ngày 01/11/2023, với hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng.

Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định.

Thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ.

Tài sản đảm bảo:

- + Hàng hóa xe ô tô Ford mới 100% theo hợp đồng bảo đảm số 2022/LX-NTF ngày 07/10/2022 và các phụ lục đính kèm.
- + Văn bản bảo lãnh vay vốn do Công ty Cổ phần City Auto phát hành.

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 2019/CVTL-ONT/03 ngày 23/9/2019 với số tiền vay là 1.370.000.000 đồng. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2020: 8,3%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng. Mục đích vay: thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà khách hàng đã thanh toán (xe Ford Explorer BKS 79A-260.49). Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay, hợp đồng thế chấp số 2019/TC-ONT/03.

- Hợp đồng tín dụng số 2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 và phụ lục số 01/2019/CVTL-ONT/04 ngày 19/12/2019 với số tiền vay là 630.000.000 đồng; Lãi suất: 8,3%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà khách hàng đã thanh toán (xe Ford Tourneo BKS 79A-277.01); Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 2019/PTVT-OTONT ngày 19/12/2019.

- Hợp đồng tín dụng số 2020/ONT/CVTL/02 ngày 07/10/2020 với số tiền vay: 2.450.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Lãi suất: 8,3-8,5%/năm; Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư hệ thống điện năng lượng Mặt trời 250kWp theo hợp đồng kinh tế số 02/2020/HĐ/SOLAR ngày 31/8/2020. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 2021/ONT/CVTL/01 ngày 26/01/2021 với số tiền vay: 1.220.000.000 đồng; Lãi suất: 8,5%/năm; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích vay: thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp, hợp lý, hợp lệ mà khách hàng đã thanh toán (xe Ford Ecosport BKA 79A-318.90 và Ford Everest BKS 79A-328.38); Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 2022/CVTL/NTFT/01 ngày 28/01/2022 với số tiền vay: 550.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất tại ngày 31/03/2022: 8,5%/năm; Mục đích vay: thanh toán bù đắp chi phí đầu tư 01 xe Ô tô nhãn hiệu Ford Ranger BKS 79C-187.61. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

- Hợp đồng tín dụng số 2022/CVTL/NTFT/02 ngày 30/03/2022 với số tiền vay: 1.420.000.000 đồng. Thời hạn vay: 36 tháng. Lãi suất 31/03/2022: 8,5%/năm; Mục đích vay: thanh toán bù đắp chi phí đầu tư 01 xe Ô tô nhãn hiệu Ford Explorer BKS 79A-380.07. Tài sản đảm bảo: tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0065/KHDN/24/HMCV ngày 28/02/2024, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0336/KHDN/20 ngày 28/02/2024, với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 55.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng;
- Thời hạn cho vay: tối đa không quá 03 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng số 0336/KHDN/20/CVTL ngày 10/12/2020 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0336/KHDN/20-SĐ4 ngày 18/8/2023 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: thanh toán chi phí trả trước dài hạn là tiền thuê mặt bằng kinh doanh (showroom);
- Thời hạn cho vay: 96 tháng;
- Lãi suất vay: theo thỏa thuận tại thời điểm nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo:
 - 1.586.940 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Nguyễn Quang Khải;
 - 1.147.000 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Trần Quang Trí và bà Đinh Đào Giao Thoại Khanh;
 - 1.172.275 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của bà Trần Thị Tâm và ông Nguyễn Quang Văn;
 - 1.113.225 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Phạm Anh Hưng và bà Trần Bích Lân;
 - 898.000 cổ phiếu CTF thuộc chủ quyền của ông Nguyễn Văn Thành và bà Trần Thị Bình;
 - Xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0115/KHDN/24/HMCV ngày 17/5/2024 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 094/KHDN/20/HĐBD ngày 07/8/2020.

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định theo Hợp đồng cấp Tín dụng số 0204/KHDN/24 ngày 28/05/2024 với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay là 35.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 60 tháng. Thời hạn vay, lãi suất, mục đích vay theo từng Hợp đồng vay được lập kèm theo. Tài sản đảm bảo:

- Cổ phiếu của công ty cổ phần City Auto (CTF) được niêm yết trên sàn chứng khoán HOSE thuộc sở hữu của bên thứ 3;
- Hàng tồn kho luân chuyển hình thành từ vốn vay Ngân hàng Vietcombank theo Hợp đồng thế chấp số 0206/KHDN/24/HĐBD ký ngày 08/5/2024 giữa Ngân hàng và Khách hàng.
- Số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán theo Hợp đồng cầm cố số 0207/KHDN/24/HĐCC ký ngày 08/5/2024 giữa Ngân hàng và Ông Trần Quang Trí.
- Số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán theo Hợp đồng cầm cố số 0208/KHDN/24/HĐCC ký ngày 08/5/2024 giữa Ngân hàng và Ông Lê Nguyễn Hồ.

(18.2) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ với Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo Hợp đồng tín dụng số 0053-2024-HĐTD1-BVB003 ngày 28/3/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;
- Thời hạn duy trì hạn mức: từ 28/3/2024 đến 28/3/2025;
- Thời hạn cho vay: theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng từ ngày giải ngân;
- Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ với Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo các Hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng tín dụng số 0039-2022-HĐTD1-BVB003 ngày 19/4/2022 và phụ lục số 0039.01-2022-PL1-BV003 với các điều khoản sau:

- Hạn mức vay: 12.800.000.000 đồng;
- Mục đích vay: nhận chuyển nhượng 04 quyền sử dụng đất tại địa chỉ ấp 05, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Thời hạn cho vay: 120 tháng;
- Tài sản đảm bảo: các bất động sản hình thành từ vốn vay được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp tài sản; Hợp đồng tín dụng số 0053-2023-HĐTD1-BVB003 ngày 21/4/2023 với các điều khoản sau:
 - Hạn mức vay: 6.500.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: đầu tư xây dựng showroom Tiền Giang Ford;
 - Thời hạn cho vay: 120 tháng;
 - Tài sản đảm bảo: các bất động sản hình thành từ vốn vay được quy định cụ thể tại các Hợp đồng thế chấp tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Bảo Việt theo hợp đồng tín dụng số 0091-2024-HĐTD1-BVB003 ngày 23/5/2024 cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 100 tỷ
- Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe Ford.
- Thời hạn cấp tín dụng: đến 23/5/2025
- Thời hạn vay: tối đa không quá 04 tháng theo khế ước nhận nợ.
- Lãi suất: quy định tại từng khế ước nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo:
 1. Lô xe ô tô mới được hình thành trong tương lai nhãn hiệu Ford (mới 100%).
 2. Xe ô tô mới tồn kho nhãn hiệu Ford (mới 100%), có thời hạn xe không quá 12 tháng.
 3. Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành, bất động sản và phương tiện vận tải theo quy định của Ngân hàng.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0152-2024-HĐTD1-BVB003 ngày 17/7/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm:

- Xe ô tô mới nhãn hiệu Ford hình thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ được mua trực tiếp Công ty TNHH Ford Việt Nam.
- Hàng hóa xe ô tô mới tồn kho có thời hạn không quá 12 tháng, chi tiết về việc đảm bảo tiền vay được thực hiện theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 0091-2024-HĐTC1-BVB003 ngày 17/7/2024.
- Tiền ký quỹ và tiền gửi tại Ngân hàng, bất động sản và phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng khách hàng và/hoặc bên thứ 3 có liên quan theo quy định của Ngân hàng.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh TP.HCM theo Hợp đồng Tín dụng số 0199-2023-HĐTD1-BVB003 ngày 29/11/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay là 50.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 29/11/2024. Thời hạn vay theo từng lần nhận nợ và không quá 04 tháng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Volkswagen. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Lô xe ô tô mới hình thành trong tương lai nhãn hiệu Volkswagen (mới 100%) được mua trực tiếp từ Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam;
- Xe ô tô mới tồn kho nhãn hiệu Volkswagen (mới 100%), có Thời hạn xe không quá 12 tháng;
- Giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành, bất động sản và phương tiện vận tải thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Khách hàng và/hoặc Bên thứ 3 có liên quan theo quy định của Ngân hàng.

(18.3) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/8943817/HĐTD ngày 08/10/2022 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/8943817/HĐTD ngày 01/11/2023. Hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng, trong đó dư nợ vay tối đa là 120 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng nhưng không quá ngày 31/10/2024, thời hạn vay tối đa 4 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp từng lần phát sinh.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/4528578/HĐTD ngày 19/01/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 180.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn duy trì hạn mức: đến 15/01/2025;
- Thời hạn cho vay: tối đa không quá 06 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay tài chính dài hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận với Công ty cho thuê tài chính BIDV – SuMi TRUST Chi nhánh TP HCM theo hợp đồng cho thuê tài chính số 21823000030/HĐCTTC ngày 08/02/2023 cụ thể như sau:

- Mục đích vay: Mua sắm máy móc thiết bị
- Khoản nợ vay: 4.995.880.230 VNĐ.
- Thời hạn vay: 48 tháng
- Ngày hết hạn dự kiến: 16/03/2027
- Lãi suất: 9,2% trong 3 tháng đầu, sau đó lãi suất thả nổi sẽ là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ, điều chỉnh 3 tháng/lần.
- Bên bảo lãnh: Công ty Cổ phần City Auto.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 90/2024/11402179/HĐTD ngày 23/9/2024 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 91/2024/11402179/HĐTD ngày 15/11/2024 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%, bất động sản hoặc tiền gửi.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình theo Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2023/21239804/HĐTD ngày 29/9/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức cấp tín dụng là 25.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Thời hạn vay và lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 01/2024/9182489/HĐTD ngày 17/12/2024.

Hạn mức tín dụng: 50 tỷ đồng

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C

Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: đến ngày 15/10/2025

Lãi suất vay: theo Khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo: Hàng hóa, quyền đòi nợ theo Hợp đồng thế chấp số: 238022.24.800.3053748.BD ngày 24/09/2024.

(18.4) Khoản vay từ Ngân hàng TNHH Indovina theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng hạn mức số 17/0622/CL/6370659 ngày 15/06/2022, sửa đổi bổ sung số 17/0622/CL/PL03-0623 ngày 15/06/2023, số 17/0622/CL/PL04-1023 ngày 16/11/2023 và tu chỉnh thông báo tín dụng số 581/IVBBT/CAD/2023 ngày 08/12/2023. Hạn mức tín dụng tối đa 92 tỷ đồng. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm:

- Cổ phiếu theo các Hợp đồng thế chấp cổ phiếu bao gồm:
 - 1.927.400 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
 - 4.500.000 cổ phiếu BSG thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Thành;
 - 837.400 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Thái Thị Xuân Quỳnh;
 - 943.400 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Tuấn;
 - 2.121.007 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Ái Hạnh;
 - 288.000 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
 - 154.044 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đăng Hoàng;
 - 120.600 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Ngọc Dân;
 - 397.547 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Trần Lâm.
 - 113.247 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Tuấn.
 - 100.566 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Thái Thị Xuân Quỳnh.
 - 254.520 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của bà Phạm Thị Thái Hạnh.
- Hàng tồn kho là xe Hyundai mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20/0622/HĐTC-HTK-01.

Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 21/0622/CL/6370672 ngày 15/6/2022. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VNĐ. Thời hạn cấp hạn mức đến ngày 20/11/2024. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là 9.000.000 cổ phiếu mã BSG thuộc sở hữu của bên thứ ba là Ông Phạm Anh Hưng và hàng tồn kho theo hợp đồng thế chấp số 21/0622/HĐTC-HTK.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng tín dụng số 20/0622/CL/6322018 ngày 27/6/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 20/0622/CL/PL02-0223 ngày 14/11/2023 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 65.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng;
- Thời hạn cho vay: tối đa không quá 06 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo:

Cổ phiếu theo các Hợp đồng thế chấp cổ phiếu bao gồm:

- + 12.500.000 cổ phiếu BSG (Công ty CP Xe khách SG) thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- + 74.250 cổ phiếu CTF của Công ty CP City Auto thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô;
- + 53.880 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Thành;
- + 66.793 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Phạm Anh Hưng;
- + 32.994 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Lâm;
- + 120.960 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Long;
- + 68.820 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Ông Trần Quang Trí;
- + 70.336 cổ phiếu CTF thuộc sở hữu của Bà Trần Thị Tâm.

Hàng tồn kho là xe Ford mới 100% theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 20/0622/HĐTC-HTK-01.

Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng nguyên tắc về việc thuê và cho thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại Lô B1, đường C2, KCN Cát Lái II, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh và tại Lô F3, đường D1, KCN Cát Lái II, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê lại đất có cơ sở hạ tầng số 19/0622/HĐTC-QTS.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TNHH Indovina theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 65/1223/Clri/6370691 ngày 19/12/2023.

Số tiền vay: 40 tỷ đồng.

Mục đích vay: Tài trợ nhu cầu bổ sung vốn lưu động và phát hành bảo lãnh Ngân hàng.

Thời hạn vay: 01 năm kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức.

Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân.

Tài sản đảm bảo: Tín chấp và áp dụng thêm tài sản bảo đảm bổ sung như sau:

- + Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 531 tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại số 03 Tổng Hữu Định, phường Tháo Điền quận 2, TP. HCM.
- + Xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, volkswagen, Ford, Masterati (Maserati), Nissan và các nhãn hiệu khác gồm các xe ô tô hiện hữu đang tồn kho mới 100% có thời gian trên tờ khai hải quan nhập khẩu thông quan và/hoặc từ ngày xuất xưởng đến ngày thế chấp không vượt quá 1 năm thuộc sở hữu của bên vay.
- + Các tài sản khác được xác lập, thỏa thuận giữa ngân hàng với bên vay và/hoặc bên thứ ba (nếu có) theo các hợp đồng đảm bảo ký trước, trong và sau ngày phát hiệu lực của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các tài sản đảm bảo nêu trên.

(18.5) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số BCLC-2505-01 ngày 20/04/2024. Hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động để mua các loại xe mới 100% hiệu Hyundai; phát hành bảo lãnh thanh toán; phát hành upas L/C nội địa. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay tối đa 6 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng hóa hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục kèm theo.

Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng 02122-5926837-01-SME ngày 27/11/2024. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày 11/12/2024. Thời hạn vay tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Mục đích vay: mua xe ô tô mới 100% do HTV phân phối. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô mới 100% hình thành từ nguồn vốn tín dụng do VPBank cấp, Bảo lãnh của Bà Nguyễn Lan Hương theo hợp đồng bảo lãnh số 021224-5926837-01-SME-HĐBL/VPBANK-01 ký ngày 11/12/2024 và các biện pháp, tài sản đảm bảo khác được thỏa thuận với VPBank.

Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 130422-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 14/04/2022 và 090622-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 09/06/2022. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay dài hạn Công ty CP Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 011024-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 01/10/2024. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

Khoản vay dài hạn Công ty CP Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 231224-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 23/12/2024. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

Khoản vay dài hạn Công ty CP Auto Bình Phước vay theo Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số 210125-5926837-AUTO-1/HĐ ngày 21/01/2025. Thời hạn vay 48 tháng. Mục đích vay: mua xe ô tô phục vụ đi lại. Lãi suất quy định theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản phát sinh bằng vốn vay.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-9181-01 ngày 08/12/2023.

Hạn mức tín dụng: 150 tỷ đồng.

Mục đích vay: Bổ sung/ hoàn vốn lưu động, phát hành/ thanh toán Upas L/C nội địa phục vụ hoạt động kinh doanh xe, phụ tùng xe ô tô các loại

Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức.

Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân.

Tài sản đảm bảo: Ký quỹ theo tỷ lệ quy định và áp dụng thêm tài sản bảo đảm bổ sung như sau:

+ Thế chấp bằng toàn bộ tài sản là Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 227, tờ bản đồ số 90 Bộ Địa chính, địa chỉ: 216, 216/1, 218 Quốc lộ 13 phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Toàn bộ hàng hóa là xe ô tô mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam

+ Thư bảo lãnh của Ông Lê Công Tâm và Ông Trần Long

+ Các biện pháp, tài sản đảm bảo khác theo thỏa thuận giữa Ngân hàng với Công ty và/ hoặc Bên thứ ba (nếu có)

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cho vay số CLC-20679-01 ngày 18/07/2024 cụ thể như sau:

- Hạn mức vay: 100 tỷ.

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.

- Thời hạn vay: 12 tháng.

- Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.

- Tài sản thế chấp: Hàng hóa là xe ô tô hình thành từ vốn vay VPBank có thời hạn xe tối đa 18 tháng mang nhãn hiệu Ford, bảo lãnh của ông Trần Long theo Hợp đồng bảo lãnh số CLC-20679- 01/SME/BLCN-01 ký ngày 18/07/2024.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 19/2025/HHDM/CMB-CITYAUTO ngày 05/02/2025 với tổng hạn mức vay là 170 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành các loại bảo lãnh và phát hành LC bổ sung vốn kinh doanh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: hợp đồng tiền gửi, sổ dư tài khoản, sổ tiết kiệm gửi tại VPBank và xe ô tô thương hiệu Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số BCLC-3748-01 ngày 02/12/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;

- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng;

- Thời hạn cho vay: theo từng Khế ước nhận nợ;

- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;

- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng cho vay số CLC-9029-01 ngày 06/12/2023 với các điều khoản sau: Hạn mức cho vay tối đa là 50.000.000.000 đồng, trong đó hạn mức khả dụng là 30.000.000.000 đồng. Trong đó, dư nợ đảm bảo bằng xe ô tô hình thành từ vốn vay “đối với các xe đang thế chấp tại Ngân hàng khác” tối đa tại mọi thời điểm là 5.000.000.000 đồng, hạn mức cho vay để chi lương payroll (hạn mức không có tài sản bảo đảm) tối đa mọi thời điểm là 1.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng. Thời hạn vay theo từng lần nhận nợ và không vượt quá 06 tháng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay:

- Bổ sung vốn lưu động kinh doanh các loại xe Ô tô con có nguồn gốc nhập khẩu mới 100% mua từ Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam.
- Bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua xe ô tô con thương hiệu Volkswagen mà Bên bán là Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam đang thế chấp chính các lô xe này tại các Ngân hàng khác.
- Thanh toán lương nhân viên

Tài sản đảm bảo:

- Bất động sản tọa lạc tại thửa đất số 227, tờ bản đồ số 90; địa chỉ 216, 216/1, 218 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức (nay là Tp Thủ Đức), TP. HCM;
- Bảo lãnh của ông TRẦN NGỌC DÂN, Giấy CMND/hộ chiếu/thẻ CCCD số: 022761994, Nơi cấp: Công an TP. Hồ Chí Minh theo Hợp đồng bảo lãnh số ELOS-16344/23/SME/BLCN-01 ký ngày 06/12/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Toàn bộ Hàng hóa là xe ô tô mua từ Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam theo Hợp đồng đại lý Volkswagen ký ngày 15/07/2023 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số CLC-9029- 12645433-HDTC-01 ký ngày 14/12/2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác được thỏa thuận giữa VPBank với Khách Hàng và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) theo các Hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên (nếu có).

(18.6) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Bình Phước vay theo hạn mức số TRAM.NTB-002/2024-HĐCVHM/NHCT504-AUTOBP ngày 05/02/2024. Hạn mức 70 tỷ. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cho vay hạn mức số DUYENTTP-001/2023-HĐCVHM/NHCT504-AUTOBP ngày 09/01/2023. Thời hạn duy trì hạn mức: đến hết ngày 15/01/2025. Thời hạn vay: không quá 4 tháng. Lãi suất vay: trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo được quy định tại các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số LINHND5-001/2021/PTGT/2020/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 11/01/2021.
- Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông số TRAM.NTB-001/2024/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 05/01/2024.
- Hợp đồng hàng hóa thế chấp số DUYENTTP-H18/2022/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP NGÀY 18/11/2022.
- Hợp đồng hàng hóa thế chấp số TRAM.NTB-H04/2023/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 20/07/2023.
- Hợp đồng hàng hóa thế chấp số TRAM.NTB-H05/2023/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 15/08/2023.
- Hợp đồng hàng hóa thế chấp số TRAM.NTB-H06/2023/HĐBĐ/NHCT504-AUTOBP ngày 06/10/2023.

(18.7) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân Đội theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng tín dụng số 214765.24.102. 2520244.TD ngày 29/5/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;
- Thời hạn duy trì hạn mức: từ 29/5/2024 đến 12/4/2025;
- Thời hạn cho vay: theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 05 tháng từ ngày giải ngân;
- Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 237999.24.800.3053748.TD ngày 14/08/2024.

Hạn mức tín dụng: 53 tỷ đồng

Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: đến ngày 12/08/2025

Lãi suất vay: theo Khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo: Thực hiện theo các hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ và các thỏa thuận khác được giao kết với Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng cấp tín dụng số 228839.24.103.2711499.TD ngày 19/7/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn duy trì hạn mức đến 10/7/2025; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh ô tô Ford mới 100%. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là: ký quỹ tại MB, tiền gửi theo hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá do MB phát hành, bất động sản, phương tiện vận tải, hàng hóa là lô xe hình thành từ phương án MB tài trợ và/hoặc hàng hóa là lô xe ô tô Ford hiện hữu thuộc sở hữu của công ty, quyền đòi nợ.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Ngân hàng TMCP Quân Đội theo hợp đồng tín dụng số 245306.24.160.31238658.TD ngày 19/09/2024 cụ thể như sau:

- Hạn mức vay: 50 tỷ.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: 5 tháng.
- Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo: Hàng hóa là xe Ford mới 100%.

(18.8) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phương Đông theo hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo Hợp đồng tín dụng số 0042/2024/HĐTD-OCB-DN ngày 24/05/2024, hạn mức vay: 25 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản gắn liền với đất tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Golf biển Cửa Lò.

(18.9) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng tín dụng số 41741/23MN/HĐTD ngày 04/01/2024. Hạn mức cho vay: 5.000.000.000 VND. Mục đích vay: Chi lương cho nhân viên Công ty. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là bảo lãnh của Ông Trần Ngọc Dân cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.

Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng tín dụng số 41742/23MN/HĐTD ngày 04/01/2024. Số tiền vay: 1.130.000.000 VNĐ. Mục đích vay: Mua xe Ô tô Hyundai Palisade, BKS: 51K-918.10. Thời hạn cấp tín dụng: 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là bảo lãnh của Ông Trần Ngọc Dân cho toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 34855/23MN/HĐTD ngày 24/11/2023 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 55.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford và chi lương;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 36 tháng;
- Thời hạn cho vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Các khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM – Chi nhánh Gia Định theo:

a) Hợp đồng Tín dụng số 5941/24MN/HĐTD ngày 12/3/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 800.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Mục đích vay: cho vay/bù đắp vốn mua Volkswagen T-Cross phục vụ đi lại của công ty. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Xe ô tô, Nhãn hiệu VOLKSWAGEN, Biển kiểm soát 51L-481.42;
- Bảo lãnh cá nhân của ông Lê Đức Hòa và Ông Trần Ngọc Dân và Công ty CP DAF Group đối với toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Bên được cấp tín dụng tại HDBank và;
- Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Bên vay/Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên thứ ba.

b) Hợp đồng Tín dụng số 2126/24MN/HĐTD ngày 22/01/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 4.280.000.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Mục đích vay: Cho vay/bù đắp vốn mua 01 xe ô tô Volkswagen Teramont và 01 xe ô tô Volkswagen Touareg phục vụ đi lại của Công ty. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo:

- Xe ô tô, Nhãn hiệu VOLKSWAGEN, Biển kiểm soát 51L-481.31;
- Xe ô tô, Nhãn hiệu VOLKSWAGEN, Biển kiểm soát 51L-481.46;
- Bảo lãnh cá nhân của ông Lê Đức Hòa và Ông Trần Ngọc Dân và Công ty CP DAF Group đối với toàn bộ nghĩa vụ tài chính của Bên được cấp tín dụng tại HDBank và;
- Các tài sản khác thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Bên vay/Bên được cấp tín dụng và/hoặc Bên thứ ba.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(18.10) Khoản vay từ Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH theo hợp đồng tín dụng hạn mức số CP/HCM/007-23 ngày 19/5/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: cầm cố sổ dư ngân hàng bằng 20% hạn mức của hạn mức tín dụng tổng hợp, thư bảo lãnh cá nhân do ông Trần Ngọc Dân với số tiền là 104 tỷ đồng.

(18.11) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo các hợp đồng sau:

Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 24/2023/HDTD/GVP ngày 29/03/2023. Số tiền vay: 374.500.000 VND. Mục đích vay: Mua xe ô tô sử dụng cho Công ty. Thời hạn cho vay: 60 tháng. Lãi suất vay trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân là 9,5%/năm, điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần bằng lãi suất cơ sở cho vay ô tô của KHDN của TPBank cộng biên độ 4,5%/năm. Tài sản đảm bảo: Xe ô tô hình thành từ vốn vay.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 240/2023/HDTD/PDL ngày 17/5/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng;
- Thời hạn cho vay: đa không quá 04 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng cho vay số 03/2024/HDTD/TTKHDNL MN2 ngày 17/7/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức vay: 100.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: thanh toán tiền thuê showroom, văn phòng và xưởng dịch vụ;
- Thời hạn cho vay: 19/7/2029;
- Lãi suất vay: 10,5%/năm;
- Tài sản đảm bảo: quyền khai thác thửa đất (lợi thế quyền thuê đất hàng năm) và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 38, Phường Nghi Hương, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 325/2024/HDTD/NTG với các điều khoản sau:

Hạn mức cho vay: 50 tỷ đồng

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho vay bù đắp, thanh toán tiền kinh doanh xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% do Công ty Ford Việt Nam phân phối và các đại lý Ford đạt tiêu chuẩn 3S trong cùng hệ thống

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng.

Lãi suất vay: theo từng lần giải ngân.

Tài sản đảm bảo: ký quỹ theo quy định về ký quỹ tại hợp đồng này hoặc các thỏa thuận khác giữa Ngân hàng và Khách hàng

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng tín dụng số 06/2024/HDTD/PDL ngày 06/03/2024 cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 50 tỷ.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ nhưng không vượt quá 4 tháng.
- Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.
- Tài sản đảm bảo: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.

Khoản vay dài hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cho vay số 18/2023/HDTD/TTKHDNL MN2 ngày 23/10/2023 với số tiền vay là 250 tỷ đồng; thời gian vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên và không vượt quá thời gian vay còn lại theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/7/2023, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: thanh toán khoản nợ đã vay từ Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/7/2023 và các phụ lục hợp đồng (nếu có). Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể trong hợp đồng thế chấp số 90/2023/HDBD/TTKHDNL MN2 ngày 15/11/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần VW Tân Thuận với Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo:

a) Hợp đồng cho vay kèm thế chấp ô tô số 172/2024/HĐTD/CP ngày 27/09/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 1.581.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Volkswagen Viloran Luxury số khung LSVSH7C69RN015877 biển kiểm soát 51L-279.16
- Chứng nhận đăng ký xe ô tô số : 50 108929 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/09/2024 cho Công ty CP VW Tân Thuận.
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu khác (nếu có).

b) Hợp đồng cho vay kèm thế chấp ô tô số 138/2024/HĐTD/CP ngày 23/07/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 1.266.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Volkswagen số khung WVGZZZ5N5PM020815 biển kiểm soát 51L-265.42
- Hợp đồng bán hàng số: 692_2024/HĐMB_VTT01 ngày 17/06/2024 giữa Công ty CP VW Tân Thuận với Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam
- Hóa đơn GTGT số 2518 ngày 28/06/2024
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu khác (nếu có).

c) Hợp đồng cho vay kèm thế chấp ô tô số 107/2024/HĐTD/CP ngày 20/05/2024 với các điều khoản sau: Số tiền vay: 1.551.000.000 đồng, thời hạn vay: 84 tháng, mục đích vay: Mua xe ô tô; lãi suất linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Volkswagen Teramont X Platinum số khung LSVUW7CA4PN052206 biển kiểm soát 51L-147.36
- Giấy hẹn lấy Đăng ký xe ô tô biển kiểm soát: 51L-147.36 do Đội Đăng ký quản lý PTGT/GDB - Phòng Cảnh sát giao thông DB-DS Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17/05/2024 cho Công ty CP VW Tân Thuận - Hợp đồng bán hàng số : 513_2024/HĐMB_VTT01 ký ngày 03/05/2024 giữa Công ty CP VW Tân Thuận với Công ty TNHH Trend Motor Việt Nam
- Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu khác (nếu có).

(18.12) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 441/2024/0061/HĐTDHMDN/PGBankSG ngày 19/09/2024. Hạn mức tín dụng: 200 tỷ. Thời hạn cấp tín dụng: 12 tháng. Thời hạn cho vay: Tối đa 06 tháng đối với mục đích mua hàng hóa là Ô tô từ HTV, tối đa 04 tháng đối với mục đích thanh toán lương, mua phụ tùng. Lãi suất cho vay được quy định tại từng khế ước. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất, kinh doanh xe ô tô và phụ tùng, phụ kiện, vật tư ô tô. Tài sản đảm bảo: chi tiết theo các hợp đồng đảm bảo đối với nghĩa vụ nợ phát sinh nhằm mua hàng hóa là xe ô tô, đối với nghĩa vụ nợ phát sinh thực hiện thanh toán tiền phụ tùng, thanh toán lương không có tài sản đảm bảo.

Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Auto Bình Phước vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 948.339/2023HĐTDHMDN/PGBankBD ngày 04/10/2023 với tổng hạn mức tín dụng là 100 tỷ đồng, thời hạn cấp: 12 tháng, lãi suất được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh xe ô tô. Tài sản đảm bảo: hàng hóa là xe ô tô do HTV phân phối được hình thành từ vốn vay do PG bank cấp tín dụng với thời gian không quá 12 tháng; Các loại tài sản đảm bảo khác được quy định trong từng thời kỳ.

Khoản vay dài hạn Công ty CP Auto Trường Chinh vay theo hợp đồng tín dụng số 441/2024/0018/HĐTD-DN/PGBankSG ngày 21/03/2024. Số tiền vay: 760.000.000 VNĐ. Thời hạn cho vay: 24 tháng. Lãi suất được quy định cụ thể tại khế ước nhận nợ. Mục đích vay: Bổ đắp tiền mua Xe Ô tô nhãn hiệu Hyundai, kiểu loại Custin 2.0T. Tài sản đảm bảo là Xe Ô tô hình thành từ khoản vay.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát Triển theo hợp đồng cấp tín dụng số 441/2024/0053/HĐTDHMDN/PGBankSG ngày 20/8/2024 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe demo thời hạn không quá 5 năm và xe ô tô nhãn hiệu Ford được hình thành từ vốn vay và được phân phối bởi Công ty TNHH Ford Việt Nam.

Khoản vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ với Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển theo Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi số 441/2024/067/HĐHMTCDN/PGBankSG ngày 06/01/2025 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh xe ô tô thương hiệu Ford;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng;
- Thời hạn cho vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(18.13) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 27/2024/HĐTD-HM/TTKD ngày 04/11/2024 với hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động kinh doanh xe ô tô và phụ tùng ô tô thương hiệu Ford. Biện pháp đảm bảo: thế chấp bằng xe Ford hình thành từ vốn vay và/hoặc xe có sẵn trong kho mới 100%.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á theo hợp đồng tín dụng số REF2429907083/HĐCVHM ngày 07/11/2024 cụ thể như sau:

- Hạn mức vay: 100 tỷ.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: 6 tháng.
- Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.
- Tài sản bảo đảm: Xe/lô xe ô tô Ford hình thành từ vốn vay và/hoặc xe có sẵn trong kho mới 100% theo hợp đồng ký ngày 24/10/2024 giữa Công ty Cổ phần Ford Việt Nam và Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận.

(18.14) Khoản vay từ Ngân hàng First Commercial Bank theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng First Commercial Bank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số STLUS-H30230281 ngày 16/01/2024 với hạn mức vay là 115 tỷ đồng; bên vay được rút vốn nhiều lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Biện pháp đảm bảo:

- Tiền gửi có kỳ hạn: Bên vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 40% giá trị giải ngân dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân Vốn lưu động. Nếu tổng Dư nợ tại thời điểm thực hiện giải ngân vượt mức 70 tỷ đồng thì bên Vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 50% của phần vượt trên 70 tỷ đồng dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân vốn lưu động.
- Bảo lãnh cá nhân: là (các) bảo lãnh do Ông Trần Ngọc Dân CCCD số: 027053004885 ký phát cho Ngân hàng hưởng lợi, với nội dung là những người bảo lãnh sẽ bảo lãnh một cách không hủy ngang và vô điều kiện với Ngân hàng về việc hoàn trả đúng hạn và dứt điểm khoản Tín dụng.

(18.15) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu theo các hợp đồng sau:

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số TAT.DN.2116.310524 ngày 17/7/2024 với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng;
- Thời hạn cho vay: đa không quá 06 tháng được thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất vay: theo từng Khế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: xe ô tô nhãn hiệu Ford mới 100% hình thành từ vốn vay;

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo hợp đồng tín dụng số TAT.DN.2859.280524 ngày 23/07/2024 cụ thể như sau:

- Hạn mức vay: 100 tỷ.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: 12 tháng.
- Lãi suất: Được quy định cụ thể tại từng giấy nhận nợ.
- Tài sản bảo đảm: Toàn bộ lô hàng xe Ford mới 100% do ACB tài trợ là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc là tài sản hình thành trong tương lai và văn bản bảo lãnh của Công ty Cổ phần City Auto.

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo Hợp đồng cấp tín dụng số KHA.DN.1867.260824 ngày 29/8/2024 với các điều khoản sau:

Hạn mức cho vay: 90 tỷ đồng

Mục đích vay: Bảo lãnh/ vay vốn bổ sung vốn lưu động kinh doanh đại lý xe ô tô

Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng.

Lãi suất vay: theo Khế ước nhận nợ.

Tài sản đảm bảo: Thế chấp/ cầm cố toàn bộ lô hàng là xe ô tô nhãn hiệu Ford, mới 100% hình thành từ vốn vay ACB (tài sản hình thành trong tương lai) với trị giá là 112.500.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay Ngân hàng TMCP Á Châu theo:

a) Hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.2333.020724 ngày 17/7/2024 với tổng hạn mức vay là 200 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: tài trợ đại lý nhà phân phối Ford Việt Nam. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ lô hàng là Lô xe ô tô Ford mới 100% là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai, chủ sở hữu/ chủ sử dụng là Công ty CP City Auto trị giá 250 tỷ đồng.

b) Hợp đồng cấp tín dụng số TAT.DN.3382.271124 ngày 26/12/2024 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng kể từ ngày giao kết hợp đồng này đến ngày 17/7/2025; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mua bán xe mới 100% thương hiệu Ford. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là toàn bộ lô hàng xe Ford mới 100% do ACB tài trợ là hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh hoặc tài sản hình thành trong tương lai, bao gồm quyền yêu cầu bên có nghĩa vụ thanh toán tiền, số tiền thu được, tài sản hình thành từ số tiền thu được, tài sản được thay thế, được trao đổi trong trường hợp tài sản bảo đảm được bán, được thay thế, được trao đổi; chủ sở hữu/ chủ sử dụng là Công ty CP City Auto trị giá 375 tỷ đồng.

(18.16) Khoản vay ngắn hạn Công ty Cổ phần City Auto vay từ Ngân hàng THE SHANGHAI COMMERCIAL & SAVINGS BANK, LTD theo thỏa thuận tín dụng số 6700114110016 ngày 13/03/2025 với hạn mức tín dụng là 55 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 01 năm; thời hạn của mỗi khoản vay là 120 ngày và được phép vượt quá ngày đáo hạn của hạn mức tín dụng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu. Biện pháp đảm bảo: tài khoản tiền gửi của Công ty tại ngân hàng THE SHANGHAI COMMERCIAL & SAVINGS BANK, LTD và hợp đồng bảo lãnh liên đới số 6700114110016-G ngày 13/03/2025 giữa ông Trần Ngọc Dân, Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô và ngân hàng HE SHANGHAI COMMERCIAL & SAVINGS BANK, LTD.

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Số dư đầu năm	1.015.295.339	1.482.740.779
Giảm do chi quỹ	(34.200.000)	(198.100.000)
Số dư cuối kỳ	981.095.339	1.284.640.779

20. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2024	Tăng	Giảm	31/03/2024
- Vốn góp của chủ sở hữu	893.964.630.000	-	-	893.964.630.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19.004.385.000	-	-	19.004.385.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	4.367.682.760	-	-	4.367.682.760
- Quỹ khác	1.215.200.961	-	-	1.215.200.961
- LNST chưa phân phối	73.283.929.477	7.748.274.574	4.089.622.876	76.942.581.175
Cộng	991.835.828.198	7.748.274.574	4.089.622.876	995.494.479.896

	01/01/2025	Tăng	Giảm	31/03/2025
- Vốn góp của chủ sở hữu	956.538.590.000	-	-	956.538.590.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19.004.385.000	-	-	19.004.385.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	4.367.682.760	-	-	4.367.682.760
- Quỹ khác	1.215.200.961	-	-	1.215.200.961
- LNST chưa phân phối	57.141.470.070	2.243.311.358	-	59.384.781.428
Cộng	1.038.267.328.791	2.243.311.358	-	1.040.510.640.149

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Lợi nhuận chưa phân phối	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	57.141.470.070	73.283.929.477
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	2.243.311.358	7.748.274.574
- Tăng/(giảm) khác	-	(4.089.622.876)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	59.384.781.428	76.942.581.175
c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 19 ngày 23/12/2024 là 956.538.590.000 đồng tương đương 95.653.859 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.		
Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	95.653.859	95.653.859
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	95.653.859	95.653.859
+ Cổ phiếu phổ thông	95.653.859	95.653.859
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	95.653.859	95.653.859
+ Cổ phiếu phổ thông	95.653.859	95.653.859
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp
21. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	87.502.000.000	87.502.000.000
+ Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	1.738.304.924	7.904.987.302
+ Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	(894.591.290)	(7.729.744.348)
+ Chuyển lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát sang lợi nhuận công ty mẹ do chuyển nhượng cổ phần	(3.136.284.405)	(3.136.284.405)
+ Điều chỉnh sang Lợi nhuận chưa phân phối	(19.474.073)	(421.298.840)
+ Trích lập các quỹ	(276.542.014)	125.282.752
Cộng	84.913.413.142	84.244.942.461
22. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	2.012.279.979.629	1.459.001.222.666
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	104.390.867.534	94.323.774.560
Cộng	2.116.670.847.163	1.553.324.997.226
Các khoản giảm trừ		
Giảm giá hàng bán	-	-
Chiết khấu thương mại	8.181.818	478.781.820
Hàng bán bị trả lại	106.130.487.718	47.936.913.577
Cộng doanh thu thuần	2.010.532.177.627	1.504.909.301.829
Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	1.868.593.101.260	1.342.190.851.627
Doanh thu bán phụ tùng	37.921.644.811	68.446.680.464
Doanh thu cung cấp dịch vụ	91.159.818.458	83.899.735.260
Doanh thu khác	12.857.613.098	10.372.034.478
Cộng	2.010.532.177.627	1.504.909.301.829

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
- Giá vốn xe đã bán	1.817.029.759.481	1.320.753.579.318
- Giá vốn hàng hóa đã bán	25.280.639.856	58.861.574.331
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	49.187.999.526	48.172.328.164
- Giá vốn khác	1.357.921.123	6.072.277.748
Cộng	1.892.856.319.986	1.433.859.759.561
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
- Lãi tiền gửi ngân hàng	360.568.768	652.459.567
- Chiết khấu thanh toán được hưởng	8.606.920	48.683.535
- Lãi từ khoản đầu tư	-	60.650.000.000
- Lãi từ khoản ký quỹ, cho vay	35.334.259.658	29.955.990.156
Cộng	35.703.435.346	91.307.133.258
4. Chi phí tài chính	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	46.592.782.700	41.814.850.270
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.029.163	-
Cộng	46.606.811.863	41.814.850.270
5. Chi phí bán hàng	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
- Chi phí nhân viên	31.636.292.554	36.625.825.150
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.661.058.087	2.693.832.954
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.624.313.279	18.082.084.363
- Chi phí bằng tiền khác	34.336.232.386	28.181.304.567
Cộng	88.257.896.306	85.583.047.034
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
- Chi phí nhân viên quản lý	14.390.049.516	14.835.194.472
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.440.884.693	1.059.364.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.524.084.074	2.344.829.417
- Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	3.538.198.101	3.538.198.101
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.538.982.463	9.668.718.146
- Chi phí bằng tiền khác	2.830.093.098	1.787.394.080
Cộng	35.262.291.945	33.233.698.216
7. Thu nhập khác	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	655.394.512	2.059.329.930
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện, bán hàng và khác	17.052.654.030	3.535.050.111
- Xử lý công nợ lâu năm	-	43.963.750
- Thu nhập khác	2.220.407.052	1.270.809.895
Cộng	19.928.455.594	6.909.153.686
8. Chi phí khác	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
- Lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định	27.168.982	-
- Chi phí phạt	133.815.059	611.863.316
- Chi phí khác	95.859.346	234.067.909
Cộng	256.843.387	845.931.225
9. Chi phí/ (hoàn nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
- Chi phí thuế TNDN - Công ty CP ô tô Phú Mỹ	-	201.015.146
- Chi phí thuế TNDN - Công ty CP Auto Trường Chinh (hợp nhất)	-	749.049.358
Cộng	-	950.064.504

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.911.782.039	6.838.237.963
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	668.470.681	(910.036.611)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	2.243.311.358	7.748.274.574
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	2.243.311.358	7.748.274.574
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	95.653.859	89.396.463
Lãi/ (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	23	87
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	2.243.311.358	7.748.274.574
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	2.243.311.358	7.748.274.574
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	95.653.859	89.396.463
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	95.653.859	89.396.463
Lãi/ (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	23	87
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý I năm 2025	Quý I năm 2024
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	1.892.856.319.986	1.433.859.759.561
- Chi phí nhân công	46.026.342.070	51.461.019.622
- Chi phí khấu hao	6.185.142.161	5.038.662.371
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.163.295.742	27.750.802.509
- Chi phí khác	42.145.408.278	34.566.260.748
Cộng	2.016.376.508.237	1.552.676.504.811

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Công ty liên kết
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Trong quý này, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối liên kết</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và dịch vụ	107.396.763.551
		Doanh thu tài chính khác	228.296.716
		Mua hàng hóa và dịch vụ	90.516.849.562
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Bán hàng hóa và dịch vụ	154.131.053.711
		Mua hàng hóa và dịch vụ	104.406.488.673
		Doanh thu tài chính khác	16.822.398.788
		Thu nhập khác	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho thời kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/03/2025

(Đơn vị tính bằng đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT	Thù lao	60.000.000
Ông Trần Lâm	Thành viên	Thù lao	15.000.000
		Tiền lương	211.935.000
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên	Thù lao	15.000.000
Ông Trần Quang Trí	Thành viên/ Phó Tổng Giám đốc	Thù lao	15.000.000
		Tiền lương	70.705.000
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên	Thù lao	15.000.000

Ban Kiểm soát

Bà Hoàng Thị Thanh Hải	Trưởng ban	Thù lao	9.000.000
Bà Trần Thị Ân	Thành viên	Thù lao	9.000.000
Bà Đỗ Thị Như Duyên	Thành viên	Thù lao	9.000.000

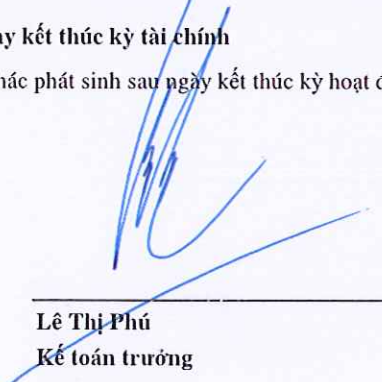
Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

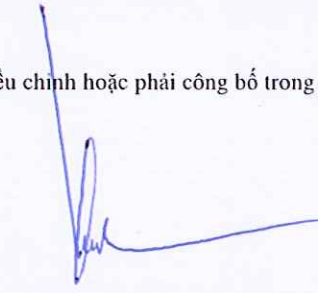
Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Công ty liên kết	Phải trả	51.858.523.240
		Phải thu	53.067.753.827
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Phải thu	839.818.802.805
		Ký quỹ	334.601.000.000
		Phải trả	73.751.368.663

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính hợp nhất.


Trần Ngọc Dân
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 29 tháng 4 năm 2025


Lê Thị Phú
Kế toán trưởng


Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu